

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/2007/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Quy định về việc xác định rừng trồng,
rừng khoanh nuôi thành rừng****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN***Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng
ngày 03 tháng 12 năm 2004;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm
nghiệp,**Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP
ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính
phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển
rừng;**Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-
TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành Quy
chế quản lý rừng;**Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính
phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Căn cứ Thông tư số 99/2007/TT-BNN-
LN ngày 06/11/2006 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
hướng dẫn thực hiện một số điều của
Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo
Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày
14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ;***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc xác định rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng”.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các Cục, Vụ, các đơn vị có liên quan, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hứa Đức Nhị

**QUY ĐỊNH VIỆC XÁC ĐỊNH RỪNG TRỒNG,
RỪNG KHOANH NUÔI THÀNH RỪNG**

(ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BNN ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định nguyên tắc, trình tự tiến hành, tiêu chí xác định rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng cho 3 loại rừng phòng hộ, đặc dụng và sản xuất.

2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện giao, nhận khoán trồng rừng, khoanh nuôi rừng quy định ở khoản 1 Điều này bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi rừng bằng các nguồn vốn khác.

Điều 2. Mục tiêu

1. Phục vụ cho công tác quản lý rừng, chuyển diện tích thành rừng sang quản lý theo quy định tại Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và

phát triển rừng (sau đây gọi chung là Nghị định số 23).

2. Thống kê đầy đủ diện tích thành rừng đến địa bàn cấp xã, bổ sung số liệu cho kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

3. Làm cơ sở cho chính quyền các cấp, các chủ rừng thực hiện việc quản lý, bảo vệ rừng.

4. Định hướng các giải pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp để lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo quy định hiện hành.

5. Đánh giá chất lượng rừng, làm cơ sở cho việc định giá rừng.

6. Tính toán trữ lượng rừng (nếu có) và độ che phủ của rừng.

Điều 3. Nguyên tắc xác định diện tích thành rừng

Xác định diện tích thành rừng theo từng lô rừng trồng, rừng khoanh nuôi khi đạt tiêu chí thành rừng theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

Điều 4. Trình tự tiến hành

1. Đối với lô rừng thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp: Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Chi cục Lâm nghiệp hoặc Chi cục Kiểm lâm, căn cứ vào hồ sơ quản lý dự án, chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, kiểm lâm địa bàn, tổ chức kiểm tra thực địa, xác định diện tích, đánh giá chất lượng từng lô rừng của chủ dự án theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Đối với lô rừng thực hiện bằng vốn tự có của doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân: kiểm lâm địa bàn theo dõi hoạt động trồng rừng trên địa bàn xã, báo cáo Hạt Kiểm lâm huyện để kết hợp với Ủy ban nhân dân xã tổ chức xác định lô rừng thành rừng theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Số liệu đo đếm tại hiện trường được tổng hợp theo mẫu biểu 1, 2; kết quả xác định diện tích rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng lập thành biên bản theo mẫu biểu 3, 4 kèm theo Quy định này.

Phần II

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH RỪNG TRỒNG, RỪNG KHOANH NUÔI THÀNH RỪNG

Điều 5. Tiêu chí xác định rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng

1. Rừng trồng: đã khép tán, mật độ

cây trồng phân bố tương đối đồng đều trên toàn diện tích, chiều cao bình quân (H_{bq}) lớn hơn hoặc bằng 2m, đường kính gốc bình quân (D_0) lớn hơn hoặc bằng 2cm, diện tích các đám trồng nhỏ hơn hoặc bằng 1000m²/ha.

2. Rừng khoanh nuôi

a) Đối với rừng phòng hộ, đặc dụng:

- Rừng cây gỗ: sau thời gian khoanh nuôi có ít nhất 400 cây gỗ mục đích/ha, độ che phủ của cây bụi, thảm tươi và cây gỗ lớn hơn hoặc bằng 50%, tổng diện tích các đám trồng nhỏ hơn hoặc bằng 1000m²/ha;

- Rừng tre nứa, le, giang, vầu, diên, lồ ô... (gọi chung là rừng tre nứa): sau thời gian khoanh nuôi độ che phủ của tre nứa lớn hơn hoặc bằng 60%, tổng diện tích các đám trồng nhỏ hơn hoặc bằng 1000m²/ha;

b) Đối với rừng sản xuất.

- Rừng cây gỗ: sau thời gian khoanh nuôi có ít nhất 500 cây gỗ mục đích/ha, phân bố tương đối đều trên toàn diện tích, chiều cao trung bình lớn hơn hoặc bằng 4m, tổng diện tích các đám trồng nhỏ hơn hoặc bằng 1000m²/ha;

- Rừng tre nứa: sau thời gian khoanh nuôi độ che phủ của tre nứa đạt lớn hơn hoặc bằng 70%, số cây đạt tiêu chuẩn khai thác lớn hơn hoặc bằng 20%, tổng

diện tích các đám trồng nhỏ hơn hoặc bằng 1000m²/ha.

c) Đối với những loại rừng không thuộc quy định ở mục a, b, tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng tiêu chí để thực hiện.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện việc xác định rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm của đơn vị, được lập cùng kế hoạch chi ngân sách thường xuyên thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập dự toán chi phí thực hiện xác định rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng.

2. Khoản chi và định mức chi.

a) Các khoản chi: chi nhân công, vật tư thiết bị, văn phòng phẩm, xăng xe, công tác phí và chi khác (nếu có);

b) Mức chi: thực hiện theo quy định tài chính hiện hành đối với nguồn kinh phí do ngân sách cấp.

Điều 7. Quản lý hồ sơ

Hồ sơ xác định diện tích rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng được lưu giữ tại cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp cấp tỉnh, Hạt Kiểm lâm huyện, Ủy ban nhân dân xã, Kiểm lâm địa bàn, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi rừng không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp có trách nhiệm báo cáo diện tích rừng với chính quyền xã, thôn/bản, kiểm lâm địa bàn, đề nghị xác định diện tích thành rừng.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Chi cục Lâm nghiệp (hoặc Chi cục Kiểm lâm) chủ trì tổ chức, thực hiện việc xác định diện tích thành rừng.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm bổ sung diện tích rừng được đánh giá, xác định đạt tiêu chuẩn thành rừng vào bản đồ hiện trạng rừng hiện có của tỉnh để quản lý.

4. Hạt Kiểm lâm huyện và Ủy ban nhân dân xã nơi có rừng có trách nhiệm

thống kê diện tích rừng để quản lý, Kiểm lâm địa bàn chịu trách nhiệm theo dõi diễn biến diện tích rừng.

5. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành lâm nghiệp ở các cấp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về rừng theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 23/2006/NĐ-CP.

6. Căn cứ vào các quy định và các phụ biểu kèm theo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết phù hợp với điều kiện của địa phương để thực hiện./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hứa Đức Nhị

Mẫu

BIỂU TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH HIỆN
(Biểu tổng hợp)

1. Địa điểm (tên xã, huyện, tỉnh):.....

2. Nguồn vốn thực hiện (vốn ngân sách cấp, vốn vay, tự đầu tư.....)

3. Thành phần tham gia

+

+

+

+

4. Kết quả đo đếm lô (lấy từ kết quả đo đếm ô tiêu chuẩn từng lô rừng của các tổ chức

TT	Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Tên tiểu khu	Tên khoảnh	Tên lô	Loại rừng (PH, DD, SX)	Phương thức trồng (toàn diện, băng, đám, hỗn giao, thuần loài)	Diện tích đầu tư (ha)	Năm trồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

ĐẠI DIỆN BÊN XÁC ĐỊNH

biểu 1

TRƯỜNG RỪNG TRỒNG THÀNH RỪNG
trên địa bàn xã)

Tên dự án (nếu có).....

cá nhân, hộ gia đình)

Loài cây trồng		Mật độ (cây/ha)			Tổng diện tích đám trồng (m ²)	Chất lượng cây trồng		Rừng khép tán/ chưa khép tán	Đánh giá thành rừng/ không thành rừng	Chữ ký của Chủ rừng
Theo thiết kế	Thực trồng	Theo thiết kế	Thực trồng	Phân bố đều/ không đều		H _{bq} (m)	D ₀ (cm)			
(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

Ngày..... tháng..... năm 200.....

Mẫu

BIỂU TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH HIỆN TRƯỜNG
(Biểu tổng hợp)

1. Địa điểm (tên xã, huyện, tỉnh):.....

2. Nguồn vốn thực hiện (vốn ngân sách cấp, vốn vay, tự đầu tư.....)

.....

3. Thành phần tham gia

+

+

+

+

4. Kết quả đo đếm lô (lấy từ kết quả đo đếm ô tiêu chuẩn từng lô rừng của các tổ chức

4.1. Đối với rừng cây gỗ

TT	Tổ chức, hộ gia đình	Tên tiểu khu	Tên khoảnh	Tên lô	Loại rừng (PH, ĐD, SX)	Diện tích đầu tư (ha)	Năm bắt đầu thực hiện KN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

(Ghi chú: Cột 10 chỉ áp dụng đối với rừng PH, ĐD; Cột 11 chỉ áp dụng đối với rừng SX).

biểu 2

RỪNG KHOANH NUÔI THÀNH RỪNG
trên địa bàn xã)

Tên dự án (nếu có).....

cá nhân, hộ gia đình)

Mật độ cây mục đích (cây/ha)	Độ che phủ của cây bụi thảm tươi và cây gỗ (%)	Chiều cao TB cây mục đích (m)	Diện tích đám trồng (m ²)	Đánh giá thành rừng/không thành rừng	Chữ ký của Chủ rừng
(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

09570276
 LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

4.2. Đối với rừng tre nứa:

TT	Tổ chức, hộ gia đình	Tên thôn	Tên tiểu khu	Tên khoảnh	Tên lô	Loại rừng (PH, ĐĐ, SX)	Diện tích đầu tư (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú: Cột 11 chỉ áp dụng đối với rừng SX.

ĐẠI DIỆN BÊN XÁC ĐỊNH

Năm bắt đầu thực hiện KN	Độ che phủ (%)	Số cây đạt tiêu chuẩn khai thác	Diện tích đám trồng (m ²)	Đánh giá thành rừng/không thành rừng	Chữ ký của Chủ rừng
(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Ngày..... tháng..... năm 200....

09670276

Mẫu biểu 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG THÀNH RỪNG

(Xã..... huyện..... tỉnh.....)

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 200.... tại.....

Chúng tôi gồm có:

- Bên xác định:

1. Ông (bà):

2. Ông (bà):

3. Ông (bà):

- Chính quyền địa phương (UBND xã):

1. Ông (bà):

2. Ông (bà):

3. Ông (bà):

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác định hiện trường và các hồ sơ liên quan các bên thống nhất diện tích rừng trồng thành rừng như sau:

STT	Loại hình rừng	Số lượng tiểu khu	Số lượng khoảnh	Số lượng lô	Tổng diện tích đầu tư (ha)	Tổng DT thành rừng (ha)	Tỷ lệ thành rừng (%)
I	Dự án 1:						
1	Rừng sản xuất						

09670270

STT	Loại hình rừng	Số lượng tiểu khu	Số lượng khoảnh	Số lượng lô	Tổng diện tích đầu tư (ha)	Tổng DT thành rừng (ha)	Tỷ lệ thành rừng (%)
2	Rừng phòng hộ						
3	Rừng đặc dụng						
II	Dự án 2: ..						
..
...	Các tổ chức khác						
...	Hộ gia đình						
	Tổng cộng						

Kết luận, kiến nghị:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN XÁC ĐỊNH

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
(UBND xã)

Mẫu biểu 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN DIỆN TÍCH RỪNG KHOANH NUÔI THÀNH RỪNG
(Xã..... huyện..... tỉnh.....)

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm 200.... tại.....

Chúng tôi gồm có:

- Bên xác định:

1. Ông (bà):

2. Ông (bà):

3. Ông (bà):

- Chính quyền địa phương (UBND xã):

1. Ông (bà):

2. Ông (bà):

3. Ông (bà):

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác định hiện trường và các hồ sơ liên quan các bên thống nhất diện tích rừng khoanh nuôi thành rừng như sau:

STT	Loại hình rừng	Số lượng tiểu khu	Số lượng khoảnh	Số lượng lô	Diện tích đầu tư (ha)	D. tích thành rừng (ha)	Tỷ lệ thành rừng (%)
I	Dự án 1:						
1	Rừng sản xuất						

STT	Loại hình rừng	Số lượng tiểu khu	Số lượng khoảnh	Số lượng lô	Diện tích đầu tư (ha)	D. tích thành rừng (ha)	Tỷ lệ thành rừng (%)
-	Rừng cây gỗ						
-	Rừng tre nứa						
2	Rừng phòng hộ						
-	Rừng cây gỗ						
-	Rừng tre nứa						
3	Rừng đặc dụng						
-	Rừng cây gỗ						
-	Rừng tre nứa						
II	Dự án 2:						
...
...	Tổ chức khác						
...	Hộ gia đình						
	Tổng cộng						

Kết luận, kiến nghị:

.....

.....

ĐẠI DIỆN BÊN XÁC ĐỊNH

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

(UBND xã)